

Số: 16 /2017/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ
và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;
Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 31 tháng 8 năm 2017, Tờ trình số 237/TTr-SNN ngày 29 tháng 9 năm 2017; Báo cáo thẩm định số 36/BCTĐ-STP ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2017.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, Chi cục Kiểm lâm và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Bộ NN và PTNT;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Quỹ Bảo vệ và PTR Việt Nam
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố;
- Báo HP, Đài PTTH Hải Phòng;
- Công TTĐT thành phố;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: NN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ
BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, được thành lập theo Quyết định số 871/QĐ-CT ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng.

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Hải Phòng City Forest Protection and Development Fund (Hải Phòng PFPDF).

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ được quy định tại Điều 3 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 4 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Chương 2

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của thành phố, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ được quy định tại Điều 6 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ, Điều 17 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.

Chương 3 NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách Nhà nước thành phố hỗ trợ ban đầu 2 tỷ đồng và cấp đủ trong 2 năm đầu kể từ ngày có Quyết định thành lập Quỹ.

2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

3. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

Đối tượng và nội dung được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần vốn, bao gồm các hoạt động quy định tại Điểm a, c, d, g, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

2. Hỗ trợ không hoàn lại một phần vốn, bao gồm các hoạt động quy định tại Điểm b, đ, e, h, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký, xét duyệt chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án đề nghị Quỹ hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

4. Đối tượng được quy định tại Điều 7 Điều lệ này trong trường hợp gặp rủi ro, bất khả kháng thì được xem xét miễn, giảm kinh phí phải hoàn trả.

Chương 4 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 10. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành.

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 09 (chín) thành viên; Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách nông nghiệp; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Phó Chủ tịch Thường trực; một Phó Giám đốc Sở Tài chính là Phó Chủ tịch; các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo các sở, ngành, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế thành phố, Kho bạc Nhà nước Hải Phòng. Mỗi thành viên được gọi là một ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm, chế độ làm việc, nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán-tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các loại quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được uỷ quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có 2/3 trở lên số uỷ viên của Hội đồng tham dự. Uỷ viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một uỷ viên khác được Chủ tịch uỷ quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp được chuẩn bị gửi tới các Uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu trước 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung họp được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số uỷ viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Uỷ viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ được ghi rõ trong biên bản họp và được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trường hợp đặc biệt tất cả các uỷ viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và được gửi tới tất cả các uỷ viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp

luật về mọi hậu quả phát sinh từ các Quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một uỷ viên Hội đồng ký thay.

7. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có 3 (ba) thành viên bao gồm đại diện các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố.



Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ.

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính.

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Hội đồng quản lý Quỹ uỷ nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của thành phố.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của thành phố.

Điều 20. Bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Bộ máy điều hành Quỹ không quá 06 (sáu) người, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm: Giám đốc; 01 (một) Phó Giám đốc; Kế toán trưởng; 02 (hai) cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ; 01 (một) nhân viên văn thư, kho quỹ, tạp vụ; trong đó:

a) Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm.

b) Phó Giám đốc Quỹ do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm.

c) Kế toán trưởng Quỹ do Kế toán Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm.

3. Sử dụng các phòng chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm các Phòng nghiệp vụ của Quỹ cho phù hợp với quy mô, phạm vi hoạt động và Điều lệ về tổ chức hoạt động của Quỹ. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ bổ sung thêm biên chế Chi cục Kiểm lâm làm nhiệm vụ Quỹ.

4. Lãnh đạo của Bộ máy điều hành Quỹ và cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Bộ máy điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định và chế độ kiêm nhiệm.

Chương 5

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 22. Lập kế hoạch tài chính, quyết toán tài chính của Quỹ

1. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập kế hoạch tài chính thu, chi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để có căn cứ thực hiện:

a) Kế hoạch thu: Chi tiết theo từng khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 2, Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

b) Kế hoạch chi: Chi tiết theo từng nội dung chi quy định tại Khoản 2 Điều 3, Điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính Quỹ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt theo quy định.

Điều 23. Chế độ kế toán, quản lý tài sản

1. Quỹ áp dụng chế độ kế toán theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

2. Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

Chương 6


XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 25. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 26. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc Bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng